TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2023/DS-ST
Ngày: 29-8-2023
V/v tranh hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Nương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Lộc.

2. Ông Nguyễn Văn Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Lê Huỳnh Kim N**, sinh năm 1980 (Có mặt).

Nơi cư trú: Tổ A, ấp Long C, xã Long V, huyện C T, tỉnh Tây Ninh.

- *Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Huỳnh Kim N*:

Anh **Phùng Quốc L**, sinh năm 1980 (có mặt);

Nơi cư trú: Khu phố Hiệp N, phường Hiệp N, thành phố T N, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Anh **Trần Văn Đ**, sinh năm 1967; (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ A, ấp Long P, xã Long V, huyện C T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp ngày 13/02/2023 của nguyên đơn chị Lê Huỳnh Kim N và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, chị N trình bày:

Chị và anh Trần Văn Đ có mối quan hệ yêu thương nhau, sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019 chỉ là không ở chung nhà. Khoảng tháng 7/2022 chị có cho anh Đ mượn số tiền 50.000.000 đồng. Tháng 12/2022 anh Đ tiếp tục mượn của chị số tiền 50.000.000 đồng. Tổng cộng 02 lần là 100.000.000 đồng, anh Đ hứa đến cuối năm 2022 sẽ trả 100.000.000 đồng cho chị. Khi cho mượn tiền chị không có cho anh Đ viết giấy mượn tiền. Anh Đ và chị có thỏa thuận mỗi tháng trả lãi cho chị 4.000.000 đồng/tháng. Anh Đ đóng lãi cho chị từ tháng 7/2022 đến tháng 12/2022 thì ngưng không đóng lãi cho chị nữa. Tổng cộng anh Đ đóng cho chị được 06 tháng tiền lãi với số tiền 24.000.000 đồng. Mục đích anh Đ mượn tiền của chị là để cho người khác mượn lại. Hoàn toàn không có việc chị và anh Đ tự dàn dựng nợ khống với nhau để lấy tiền vợ anh Đ. Mặc dù anh Đ không ghi giấy mượn tiền cho chị nhưng sau khi chị đòi anh Đ không trả tiền thì chị và anh Đ có nhắn tin cho nhau bằng Zalo và tin nhắn IMS. Ngày 23/01/2023 anh Đ có nhắn cho chị lúc 20:15 có nội dung …A k noid ba6yn em đâu để trong tháng giên nầy a sẻ gởi lại cho em". Ngày 17/01/2023 anh Đ cũng hứa trả tiền cho chị.

Tại phiên hòa giải chị yêu cầu anh Đ có trách nhiệm trả cho chị số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi 0,833%/tháng từ ngày 01/12/2022 DL cho ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa chị yêu cầu số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi 20%/năm từ ngày 01/12/2022 DL cho ngày xét xử sơ thẩm là 8 tháng 15 ngày. Đối với số tiền lãi 24.000.000 đồng chị đã nhận và không đồng ý khấu trừ số tiền này trong số tiền gốc và lãi này. Chị không yêu cầu chị Đoàn Thị Ngọc Phước là vợ anh Đ có trách nhiệm trả nợ cho chị.

Anh Phùng Quốc L đại diện theo ủy quyền của chị Lê Huỳnh Kim N trình bày:

- Khoảng tháng 7/2022 ÂL (nhằm khoảng tháng 8/2022 DL), chị N cho anh Đ mượn 50.000.000 đồng, ông Đ hứa trả tiền gốc trước Tết nguyên đán 2023, thoả thuận trả lãi cho chị N 4.000.000 đồng/tháng. Từ tháng 7/2022 ÂL đến tháng 12/2022 ÂL ông Đ trả tiền lãi cho chị N 6 tháng là 24.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 12/2022 ÂL (nhằm khoảng tháng 01/2023 DL), anh Đ mượn chị N thêm 50.000.000 đồng và hứa trong vòng 01 tuần trả lại tiền gốc cho chị N, anh Đ thoả thuận trả lãi 4.000.000 đồng/tháng nhưng không thực hiện. Tổng cộng, ông Đ mượn chị N 100.000.000 đồng, đã trả lãi 6 tháng cho chị N là

24.000.000 đồng. Do chị N và ông Đ có mối quan hệ tình cảm yêu thương nhau từ năm 2019 nên chị N tin tưởng hoàn toàn khi cho ông Đ mượn 100.000.000 đồng mà không yêu cầu ông Đ ký giấy mượn tiền.

Do mâu thuẫn bị chị N cắt đứt tình cảm nên anh Đ không thừa nhận nợ tiền chị N nhưng anh Đ thừa nhận "Những tin nhắn mà chị N cung cấp cho Toà án đúng là tin nhắn mà tôi nhắn qua lại với chị N" (BL 24), "Tôi thừa nhận các giấy tờ thể hiện tin nhắn mà bà N cung cấp đúng là các tin nhắn tôi và bà N đã trao đổi với nhau" (BL 25) đều thể hiện rõ anh Đ nợ tiền chị N, thừa nhận có nợ tiền chị N và nhiều lần hứa hẹn trả nợ nên việc anh Đ nợ tiền chị N là có cơ sở. Chị N tin tưởng ông Đ cho mượn 100.000.000 đồng không yêu cầu ký giấy mượn tiền và anh Đ thừa nhận có nợ chị N 100.000.000 đồng với vợ anh Đ nhằm mục đích để vợ anh Đ đưa tiền trả nợ chị N (BL 24) đã thể hiện rõ anh Đ nợ chị N 100.000.000 đồng là có cơ sở. Tuy anh Đ khai chị N và ông Đ tự dàn dựng nợ khống với nhau để lấy tiền vợ anh Đ nhưng anh Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc dàn dựng nợ.

Vì vậy, đề nghị Toà án nhân dân huyện Châu Thành chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Huỳnh Kim N.Buộc ông Trần Văn Đ có nghịa vụ trả cho chị N số tiền 100.000.000 đồng gốc và tiền lãi 20%/năm từ ngày 01/12/2022 DL cho ngày xét xử sơ thẩm là 8 tháng 15 ngày. Đối với số tiền lãi 24.000.000 đồng chị đã nhận và không đồng ý khấu trừ số tiền này trong số tiền gốc và lãi này.

Bị đơn anh Trần Văn Đ trình bày:

Anh và chị Lê Huỳnh Kim N có mối quan hệ yêu thương nhau, sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019 chỉ là không sống chung nhà. Anh hoàn toàn không có mượn tiền 100.000.000 đồng của chị N. Khoảng cuối năm 2022 thì vợ anh về nước, anh và chị N định đến với nhau luôn nên anh và chị N tự dàn dựng nợ khống với nhau, nên chị N và anh có nhắn tin qua lại anh thừa nhận có nợ, mục đích là để vợ anh trả cho chị N tiền để lấy số tiền này anh và chị N sống với nhau. Nhưng kết quả vợ anh không đưa tiền cho anh nên từ đó chị N bỏ anh theo người khác. Ngoài ra anh không mượn tiền của chị N số tiền nào cả. Anh Thừa nhân có nhắn tin cho nhau bằng Zalo và tin nhắn IMS cho chị N. Có nội dung anh có nợ N mục đích để vợ anh là Đoàn Thị Ngọc Phước thấy vậy đưa tiền cho anh trả cho chị N, để anh và chị N có tiền đến với nhau sinh sống. Hoàn toàn không có nội dung nào anh ghi là nợ số tiền bao nhiêu cả. Nhưng anh xác định đây chỉ là nói khống chứ anh không có nợ tiền chị N.

Nay ra tòa anh **k**hông đồng ý trả cho chị N số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi 20%/năm từ ngày 01/12/2022 DL cho ngày xét xử sơ thẩm, vì anh không có mượn số tiền này của chị N.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Châu Thành trình bày:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Huỳnh Kim N buộc bị đơn anh Trần Văn Đ có nghĩa vụ trả cho chị số tiền 100.000.000 đồng. Đối với yêu cầu về lãi suất, trước đây chị N yêu cầu tính lãi suất là 0,833%, tại phiên tòa yêu cầu tính lãi 20%/năm là vượt quá phạm vi khởi kiện nên không có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà và ý kiến phát biểu của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Căn cứ Khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự quy định, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu. Trong quá trình làm việc chị N yêu cầu tính lãi suất là 0,833%/tháng. Tại phiên tòa chị N yêu cầu tính lãi suất là 1.66%/tháng là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Huỳnh Kim N, do anh Lợi đại diện trình bày: Khoảng tháng 7/2022 chị N có cho anh Đ mượn số tiền 50.000.000 đồng. Tháng 12/2022 anh Đ tiếp tục mượn của chị N số tiền 50.000.000 đồng. Tổng cộng 02 lần là 100.000.000 đồng, anh Đ hứa đến cuối năm 2022 sẽ trả 100.000.000 đồng cho chị N, anh Đ viết giấy mượn tiền. Tuy nhiên có tin nhắn anh Đ thừa nhận có mượn tiền chị N và hẹn thời gian trả nợ cho chị N. Anh Đ và chị N có thỏa thuận mỗi tháng trả lãi 4.000.000 đồng/tháng. Anh Đ đóng lãi cho chị N từ tháng 7/2022 đến tháng 12/2022 là 6 tháng với số tiền 24.000.000 đồng thì ngưng không đóng lãi cho chị N. Nay anh đại diện theo ủy quyền của chị N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Văn Đ trả nợ cho chị N 100.000.000 đồng tiền gốc và tính lãi suất 20%/năm từ ngày 01/12/2022 đến ngày xét xử 25/8/2023 là 8 tháng 15 ngày, theo Khoản 1 Điều 468 BLDS. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị N là không có căn cứ chấp

nhận.

[3]. Xét lời trình bày của bị đơn anh Trần Văn Đ: Anh không thừa nhận có mượn của chị N số tiền 100.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền gốc và lãi cho chị N. Lời trình bày của anh Đ là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Xét lời trình bày của hai bên thấy rằng: Chị N cho rằng anh Đ có mượn của chị số tiền 100.000.000 đồng 02 lần nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh anh Đ có mượn số tiền trên của chị. Khi mượn tiền chị N cho rằng anh Đ không có viết giấy nhận nợ cho chị nhưng có tin nhắn thể hiện anh Đ có nợ và hứa trả tiền cho chị. Lời trình bày này của chị là có căn cứ thể hiện anh Đ có nợ chị, cụ thể tại bút lục 34 của hồ sơ thể hiện: " Ngày 17/1 anh Đ có nhắn cho chị N qua đoạn tin nhắn Zalo…a hứa e là dúng chiều ngày 22 nầy anh đến tận nhà e anh gửi lại hết". Tại bút lục 35: "Ngày 23/1 anh Đ có nhắn cho chị N lúc 20:15 có nội dung …A k noid ba6yn em đâu để trong tháng giên nầy a sẻ gởi lại cho em". Tất cả những đoạn tin nhắn mà chị N cung cấp cùng đoạn băng ghi âm không có đoạn nào thể hiện anh Đ có thừa nhận nợ chị N 100.000.000 đồng như chị N trình bày. Ngoài ra chị N có yêu cầu xác minh những người biết sự việc đã cung cấp: Chị Lê Huỳnh Minh Đoan là chị ruột của chị N cung cấp là có chứng kiến việc chị N cho anh Đ mượn 50.000.000 đồng vào cuối năm 2022. Những người làm chứng khác không thấy chị N giao tiền cho anh Đ gì cả. Lời khai của người làm chứng Đoan là không khách quan, không có căn cứ chấp nhận bởi lẽ chị là chị ruột của chị N, ngoài chị ra không có người nào chứng kiến chị N cho anh Đ mượn 100.000.000 đồng.

[4.1]. Theo anh Đ trình bày: Anh đi làm có khi thiếu tiền anh có mượn của chị N khoảng 2-3 lần, mỗi lần mượn số tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng để xài sau đó trả lại. Hiện nay anh đã trả cho chị N xong không còn nợ gì chị N nữa. Từ đó cho thấy lời trình bày của anh Đ là hợp lý, anh có nợ chị N nhưng số tiền nhỏ lẽ và đã trả xong. Do đó trong tất cả các đoạn tin nhắn mà chị N nộp cho Tòa án không có đoạn nào thể hiện anh Đ thừa nhận có mượn của chị N số tiền 100.000.000 đồng.

[4.2]. Từ phân tích trên Hội đồng xét xử thấy rằng: Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn anh Đ có trách nhiệm trả cho chị 100.000.000 đồng và tiền lãi 0,833%/tháng từ ngày 01/12/2023 cho đến ngày xét xử 25/8/2023 là 08 tháng 15 ngày là 7.082.400 đồng. Tổng cộng gốc lãi là 107.082.400 đồng. (Tiền lãi: 100.000.000 đồng x 0,833%/tháng x 08 tháng 15 ngày = 7.082.400 đồng). Đối với số tiền gốc N mà chị N yêu cầu anh Đ phải trả

100.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận nên tiền lãi cũng không có căn cứ chấp nhận.

Đối với số tiền lãi chị N yêu cầu 20%/năm: 100.000.000 đồng x 1,666%/tháng x 08 tháng 15 ngày = 14.160.000 đồng - 7.082.400 đồng= 7.776.600 đồng là tiền lãi yêu cầu vượt quá nên không xem xét.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 463, Điều 465 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Lê Huỳnh Kim N đối với anh Trần Văn Đ về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Đối với số tiền lãi chị N yêu cầu 7.776.600 đồng là vượt quá nên không xem xét.

2. Về án phí:

Chị Lê Huỳnh Kim N phải chịu 5.354.000 đồng (năm triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị N đã số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0018221 ngày 21tháng 02 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị N còn phải nộp thêm số tiền 2.854.000 đồng (Hai triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Tập án;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Kim Nương